

**Phụ lục 1**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**CÁC CƠ QUAN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
(Kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ /2022 của UBND tỉnh)

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
<b>I</b>	<b>ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC</b>	<b>60</b>		
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>11</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch về công tác CCHC năm</b> (bao gồm: Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền CCHC hoặc lồng ghép trong KHCCCHC, Kế hoạch kiểm tra CCHC)	<b>1</b>		
	- Xác định rõ và đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC, phân công tổ chức thực hiện cụ thể và ban hành đảm bảo thời gian quy định	1		
	- Không ban hành đầy đủ các Kế hoạch về công tác CCHC trong năm hoặc ban hành đầy đủ Kế hoạch nhưng nội dung không đảm bảo	0		
<b>1.2</b>	<b>Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC</b>	<b>1</b>		
	- Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$			
	- Hoàn thành dưới 80%	0		
<b>1.3</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>1</b>		
	Tuyên truyền đầy đủ 03 hình thức: (1) Tổ chức Hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC, (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của đơn vị, (3) Trên các phương tiện truyền thông khác, tờ rơi ...	0,5		
	- Có ít nhất một hình thức tuyên truyền khác: Tổ chức hoặc tham gia cuộc thi tìm hiểu về CCHC, tọa đàm về CCHC, sân khấu hóa ...	0,5		
<b>1.4</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo chuyên đề về CCHC</b> (Báo cáo CCHC, Báo cáo kiểm soát TTHC)	<b>1</b>		
	- Thực hiện đầy đủ các báo cáo, đảm bảo nội dung, thời gian quy định	1		
	- Thực hiện đầy đủ các báo cáo nhưng có báo cáo không đảm bảo nội dung hoặc không đảm bảo thời gian quy định	0,5		
	- Không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo hoặc có báo cáo không đảm bảo nội dung và thời gian quy định	0		
<b>1.5</b>	<b>Công tác kiểm tra CCHC</b>	<b>2</b>		
1.5.1	Tỷ lệ đơn vị thuộc và trực thuộc được kiểm tra trực tiếp đạt từ 30% trở lên	1		
1.5.2	Xử lý các vấn đề phát hiện sau kiểm tra	1		
	- Tất cả các vấn đề đã hoàn thành việc xử lý	1		
	- Tất cả các vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành	0,5		
	- Có vấn đề chưa được xử lý	0		
<b>1.6</b>	<b>Thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao</b>	<b>2</b>		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
1.6.1	Số lượng nhiệm vụ được giao hoàn thành trong Chương trình công tác năm của UBND tỉnh và trong kế hoạch CCHC tỉnh <i>Điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$	1		
1.6.2	Thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (chỉ tính nhiệm vụ đúng hạn) <i>Điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$	1		
<b>1.7</b>	<b>Trách nhiệm người đứng đầu trong công tác CCHC</b>	<b>2</b>		
1.7.1	Đánh giá trách nhiệm thực hiện công tác CCHC đối với người đứng đầu đơn vị thuộc và trực thuộc (trước ngày 31/12 của năm)	0,5		
1.7.2	Gắn kết quả thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua - khen thưởng	1		
	- Có tổ chức thực hiện	1		
	- Không tổ chức thực hiện	0		
1.7.3	Thực hiện tiếp công dân định kỳ; Tổ chức/tham gia đối thoại với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp	0,5		
<b>1.8</b>	<b>Có sáng kiến hoặc giải pháp mới về CCHC được Hội đồng sáng kiến cơ sở công nhận</b>	<b>1</b>		
<b>2</b>	<b>THAM MƯU XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	<b>4</b>		
<b>2.1</b>	<b>Xây dựng VBQPPL theo phân công của UBND tỉnh</b>	<b>1</b>		
	- 100% VBQPPL ban hành đảm bảo trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định	1		
	- Dưới 100% VBQPPL ban hành đảm bảo trình tự, tiến độ và chất lượng theo quy định	0		
<b>2.2</b>	<b>Thực hiện rà soát, hệ thống hóa VBQPPL do cấp tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị theo quy định</b>	<b>1</b>		
	- Có ban hành Kế hoạch và báo cáo kết quả đúng thời gian quy định	0,5		
	- Có kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản QPPL của ngành không còn phù hợp	0,5		
<b>2.3</b>	<b>Xử lý văn bản sau rà soát, kiểm tra và kiến nghị</b>	<b>1</b>		
	- Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý	1		
	- Tất cả số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành	0,5		
	- Có văn bản chưa được xử lý	0		
<b>2.4</b>	<b>Theo dõi tình hình thi hành pháp luật</b>	<b>1</b>		
	- Ban hành Kế hoạch và báo cáo kết quả đúng thời gian quy định	0,5		
	- Có biện pháp xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>11</b>		
<b>3.1</b>	<b>Đơn giản hoá thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>2</b>		
	- Có đăng ký rà soát, đánh giá đúng quy định	0,5		
	- Trình phương án đơn giản hóa đối với 100% TTHC đã được phê duyệt đúng quy định	1		
	- 100% phương án đơn giản hóa TTHC được thông qua	0,5		
<b>3.2</b>	<b>Tham mưu UBND tỉnh công bố TTHC và danh mục TTHC</b>	<b>1</b>		
	- Đầy đủ, kịp thời theo quy định	1		
	- Không đầy đủ hoặc không kịp thời theo quy định	0		
<b>3.3</b>	<b>Tham mưu ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC</b>	<b>0,5</b>		
	- Đầy đủ, kịp thời theo quy định	0,5		
	- Không đầy đủ hoặc không kịp thời theo quy định	0		
<b>3.4</b>	<b>Công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, đường dây nóng trên Trang thông tin điện tử của đơn vị</b>	<b>0,5</b>		
<b>3.5</b>	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</b>	<b>1</b>		
	- Không có phản ánh, kiến nghị; 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định	1		
	- Từ 90% đến dưới 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định	0,5		
	- Dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng quy định	0		
<b>3.6</b>	<b>Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính</b>	<b>5</b>		
	- Từ 95% - 100% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 5.00}{100\%} \right]$			
	- Dưới 95% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn	0		
<b>3.7</b>	<b>Thực hiện quy định về xin lỗi trong giải quyết TTHC</b>	<b>1</b>		
	Điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ phải xin lỗi} \times 1.00}{100\%} \right]$			
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>	<b>7</b>		
<b>4.1</b>	<b>Tham mưu ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Trung ương; rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định (quy chế làm việc, các quy chế khác...) theo quy định</b>	<b>1</b>		
	- Thực hiện đầy đủ, kịp thời (trong thời gian 03 tháng khi có hướng dẫn của Trung ương)	1		
	- Chưa thực hiện đầy đủ hoặc chưa kịp thời	0		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
4.2	<b>Triển khai thực hiện sắp xếp lại tổ chức bên trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định</b>	1		
	- Thực hiện sắp xếp lại tổ chức bên trong thuộc Sở, trực thuộc Sở theo quy định	0,5		
	- Thực hiện sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định	0,5		
4.3	<b>Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương đúng quy định và không nhiều hơn số lượng công chức chuyên môn</b>	1		
4.4	<b>Thực hiện quy định về quản lý biên chế</b>	1		
	- Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ kịp thời theo quy định	0,5		
	- Thực hiện tinh giản biên chế viên chức đạt theo kế hoạch hàng năm	0,5		
4.5	<b>Thực hiện quy định về phân cấp quản lý theo quy định</b>	3		
4.5.1	Thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp quản lý do cấp trên ban hành	1		
4.5.2	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra đánh giá định kỳ các nội dung đã phân cấp hoặc ủy quyền	1		
	- Có thực hiện theo quy định	0,5		
	- Không thực hiện theo quy định	0,5		
4.5.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra các nội dung đã phân cấp hoặc ủy quyền	1		
<b>5</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>	<b>9</b>		
5.1	<b>Hoàn thành vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp</b>	2		
5.1.1	Kịp thời rà soát, điều chỉnh; trình UBND tỉnh điều chỉnh Đề án vị trí việc làm công chức sau khi ban hành mới quy định chức năng, nhiệm vụ	0,5		
5.1.2	Công chức được bố trí công tác đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,5		
	- 100% công chức trong cơ quan hành chính được bố trí theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	0,5		
	- Dưới 100% công chức được bố trí theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	0		
5.1.3	Xây dựng và rà soát, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	0,5		
	- 100% các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã xây dựng Đề án vị trí việc làm/Đề án điều chỉnh Đề án vị trí việc làm	0,5		
	- Dưới 100% các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã xây dựng Đề án vị trí việc làm/Đề án điều chỉnh Đề án vị trí việc làm (trừ các đơn vị phải sắp xếp, sáp nhập, giải thể)	0		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
5.1.4	Viên chức được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt	0,5		
	- 100% số đơn vị thực hiện	0,5		
	- Đạt dưới 100% số đơn vị thực hiện	0		
5.2	<b>Thực hiện tuyển dụng viên chức, ký hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động đối với viên chức, người lao động theo quy định</b>	<b>1</b>		
5.3	<b>Đánh giá, xếp loại CBCCVC</b>	<b>2</b>		
5.3.1	Ban hành Kế hoạch đánh giá, xếp loại CBCCVC hàng năm	0,5		
5.3.2	Hoàn thành đánh giá đúng thời gian quy định và báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại (trước ngày 31/12 hàng năm)	0,5		
5.3.3	Tỷ lệ CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ	1		
	- Từ 80% - 100% CBCCVC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% CBCCVC} \times 1.00}{100\%} \right]$			
	- Dưới 80% CBCCVC được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	0		
5.4	<b>Thực hiện công tác cán bộ (bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển...) theo quy định hiện hành</b>	<b>0,5</b>		
	- Thực hiện theo quy định	0,5		
	- Thực hiện không đảm bảo theo quy định	0		
5.5	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC</b>	<b>1</b>		
5.5.1	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	0,5		
	- Có ban hành Kế hoạch	0,5		
	- Không ban hành Kế hoạch	0		
5.5.2	Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch	0,5		
	- Thực hiện đầy đủ theo Kế hoạch và báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng (trước ngày 31/12 hàng năm)	0,5		
	- Thực hiện chưa đầy đủ theo Kế hoạch	0		
5.6	<b>Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác CCVC theo quy định</b>	<b>1</b>		
	- Có ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác	0,5		
	- Thực hiện đảm bảo theo Kế hoạch đề ra và báo cáo kết quả (trước ngày 31/12 hàng năm)	0,5		
5.7	<b>Thực hiện tốt công vụ và đạo đức công vụ</b>	<b>1</b>		
	- Trong năm không có CCVC bị phát hiện vi phạm đạo đức công vụ và báo cáo kết quả (trước ngày 31/12 hàng năm)	1		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	- Trong năm có CCVC bị phát hiện vi phạm đạo đức công vụ	0		
5.8	<b>Thực hiện việc kê khai tài sản công chức, viên chức theo quy định</b>	0,5		
	- Thực hiện đầy đủ quy trình theo quy định	0,5		
	- Thực hiện chưa đầy đủ quy trình theo quy định	0		
6	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	6		
6.1	<b>Thực hiện công khai tài chính đầy đủ theo quy định</b>	1		
6.2	<b>Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở</b>	1		
6.3	<b>Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành tự bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên tăng so với giai đoạn trước liền kề (trừ những đơn vị được cấp có thẩm quyền quyết định do Nhà nước đảm bảo 100%)</b>	1		
6.4	<b>Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền</b>	1		
	- Đã thực hiện 100% kiến nghị	1		
	- Thực hiện từ 90% đến dưới 100% kiến nghị	0,5		
	- Thực hiện dưới 90% kiến nghị	0		
6.5	<b>Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách</b>	1		
	- Thực hiện xây dựng báo cáo và gửi đúng thời hạn	1		
	- Thực hiện xây dựng báo cáo và gửi sau thời hạn	0,5		
6.6	<b>Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước</b> Điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 1,00}{100\%} \right]$	1		
7	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>	12		
7.1	<b>Ban hành đầy đủ các Kế hoạch, quy định, quy chế để triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số của cơ quan, đơn vị</b>	1		
7.2	<b>Cung cấp các loại thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của đơn vị</b>	1		
	- Cung cấp thông tin đầy đủ theo Luật Tiếp cận thông tin	0,5		
	- Cung cấp thông tin người phát ngôn báo chí và đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin theo Luật Tiếp cận thông tin	0,5		

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
7.3	<b>Cung cấp thông tin chỉ đạo điều hành trên Trang thông tin điện tử của đơn vị</b>	0,5		
	- Có từ 100 tin, bài/năm trở lên	0,5		
	- Dưới 100 tin, bài/năm	0		
7.4	<b>Ứng dụng Hệ thống văn phòng điện tử</b>	2		
7.4.1	Tỷ lệ văn bản trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử	1		
	- Từ 95% trở lên	1		
	- Từ 90% đến dưới 95%	0,5		
	- Dưới 90%	0		
7.4.2	Tỷ lệ lập hồ sơ công việc được lập xử lý dưới dạng điện tử	1		
	- Từ 40% trở lên hồ sơ công việc được lập	1		
	- Dưới 40% công việc được lập hồ sơ công việc thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{40\%} \right]$			
7.5	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý chuyên ngành</b>	0,5		
	- Có cơ sở dữ liệu hoặc phần mềm quản lý chuyên ngành	0,5		
	- Không có cơ sở dữ liệu hoặc phần mềm quản lý chuyên ngành	0		
7.6	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4</b>	3		
7.6.1	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến	1,5		
	- Từ 50% số TTHC trở lên	1,5		
	- Dưới 50% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% TTHC} \times 1.50}{50\%} \right]$			
7.6.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	1,5		
	- Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên	1,5		
	- Dưới 20% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ TTHC} \times 1.50}{20\%} \right]$			
7.7	<b>Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên tổng số giao dịch thanh toán của các TTHC được cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến</b>	1		
	- Từ 30% trở lên	1		
	- Từ 20% đến dưới 30% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:			

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	$\left\lceil \frac{\text{Tỷ lệ \%} \times 1.00}{30\%} \right\rceil$			
	+ Dưới 20%	0		
7.8	<b>Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của đơn vị với Hệ thống thông tin báo cáo UBND tỉnh</b>	1		
	Điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left\lceil \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right\rceil$			
7.9	<b>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 theo quy định</b>	1		
7.9.1	Xây dựng và công bố 100% TTHC phù hợp theo TCVN ISO 9001	0,5		
7.9.2	Thực hiện duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng đảm bảo theo quy định	0,5		
7.10	<b>Thực hiện tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</b>	1		
7.10.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI	0,5		
	- Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ	0,5		
	- Từ 30% đến dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ được tính theo công thức: $\left\lceil \frac{\text{Tỷ lệ \% số TTHC} \times 0,5}{50\%} \right\rceil$			
	- Dưới 30% số TTHC có phát sinh hồ sơ	0		
7.10.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	0,5		
	- Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên	0,5		
	- Từ 5% đến dưới 20% số hồ sơ TTHC được tính theo công thức: $\left\lceil \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ TTHC} \times 0,5}{20\%} \right\rceil$			
	- Dưới 5% số hồ sơ TTHC	0		
<b>II</b>	<b>ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC</b>	<b>40</b>		
<b>1</b>	Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	<b>30</b>		
<b>2</b>	Kết quả đánh giá của cán bộ lãnh đạo, quản lý và đại biểu HĐND	<b>10</b>		
	<b>ĐIỂM TỔNG CỘNG (I + II)</b>	<b>100</b>		
<b>III</b>	<b>ĐIỂM THƯỞNG – ĐIỂM TRỪ</b>			
<b>1</b>	<b>Điểm thưởng</b>			
1.1	Có nội dung đột phá thực hiện các nhiệm vụ CCHC của tỉnh	1		
1.2	Hoàn thành vượt chỉ tiêu Kế hoạch CCHC hàng năm của tỉnh	1		



STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	
			Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
2	Điểm trừ			
2.1	Có nội dung gây ảnh hưởng đến các Chỉ số CCHC của tỉnh (Par Index, SIPAS)	-1		
2.2	Có công chức, viên chức gây những nhiễu, phiền hà, chấp hành chưa tốt đạo đức công vụ (do báo, đài, cá nhân, tổ chức phản ánh) được xác minh là đúng theo phản ánh.	-1		